

Bản án số: 167/2026/HS-ST
Ngày: 19/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Vui

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng và ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tới

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 147/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1056/2026/QĐXXST-HS, ngày 27/7/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đình T** (tên gọi khác: Xỉn) sinh ngày 11 tháng 2 năm 1989 tại thành phố Đà Nẵng; căn cước công dân số: 048089002210, cấp ngày: 20/01/2022, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; nơi ĐKKHKT: Số F Đ, phường H, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: K H, phường H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Trần Đình T1 (chết) và mẹ bà Trương Thị D (sinh năm: 1966); gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 02; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thu T2 (sinh năm: 1990) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 04 ngày 02/3/2017 của Đoàn biên phòng P1, TP ., phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 03/3/2017); Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 05 ngày 15/01/2026 của Ban C1, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy (chấp hành xong ngày 10/6/2026).

Bị cáo đang bị tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Thái Văn P** – sinh năm: 1990; địa chỉ: K H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

- Bà **Nguyễn Thị Thu T2** – sinh năm: 1990; địa chỉ: K H, phường H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- **Công ty cổ phần T3**; trụ sở: Số D, đường số A, khu đô thị N, phường T, tỉnh Nghệ An; người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Chu Minh Đ – Chức vụ:

Tổng giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Bảo Á – Chức vụ: Giao dịch viên – Chi nhánh T4, thành phố Đà Nẵng. Theo Giấy ủy quyền số 82/QĐUQ-MD37, ngày 18/8/2026 của Tổng giám đốc Công ty. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 12/01/2026, Trần Đình T nảy sinh ý định sử dụng ma túy đá nên khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T đã điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, gắn biển số: 43C2-076.16 đi đến khu vực phía sau Bến xe trung tâm Đ để tìm gặp C (*không rõ lai lịch; là bạn quen biết ngoài xã hội*) để nhờ C liên hệ mua giúp ma túy đá. Tại đây, T gặp C ở một quán cà phê (*không rõ tên, địa chỉ cụ thể*), T nói C liên hệ mua dùm T “nửa hộp 5” ma túy đá, C đồng ý rồi rời đi. Một lúc sau, C quay lại báo giá ma túy là 1.700.000 đồng, T đồng ý. Tiếp đó, theo hướng dẫn của C, T điều khiển xe mô tô nêu trên đi đến địa điểm giao dịch ma túy là kiệt 179 T, TP . và gặp một nam thanh niên (*không rõ lai lịch*), người này chỉ T vị trí đã để sẵn ma túy (để dưới đất, cách khoảng 3-4 mét), T đến nhặt gói ma túy lên cầm ở tay trái và để 1.700.000 đồng tiền mua ma túy lại đó, rồi điều khiển xe rời đi về nhà. Đến khoảng 20 giờ 30 cùng ngày, khi T đi đến ngã tư đường Ô I - Q, P. H, TP . thì bị Ban C1 phối hợp với Công an P2, TP . phát hiện, bắt quả tang, thu giữ số ma túy T vừa mua được.

Đồ vật, tài liệu tạm giữ của T:

- Trong lòng bàn tay trái của Trần Đình T có 01 gói ni lông màu trắng, kích thước khoảng (04 x 2,5) cm, bên trong có chứa chất tinh thể rắn màu trắng (*niêm phong, ký hiệu T1, gửi giám định*).

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, màu trắng, sử dụng Esim số: 0702.706.716, số IMEI: 355563341060562, tình trạng đã qua sử dụng;

- 01 xe mô tô 02 bánh, 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, số khung: RLHJA3928NY297955; số máy: JA39E2794867; dung tích xi lanh: 109 cm³; gắn biển số: 43C2-076.16; tình trạng đã qua sử dụng.

- 132.000 đồng.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể, T dương tính.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T tại K H, P. H, TP .; không phát hiện, thu giữ gì.

Theo **Kết luận giám định số 131/KL-KTHS ngày 16/01/2026 của Phòng K Công an thành phố Đ**, kết luận: Chất tinh thể rắn màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine; khối lượng mẫu T1: 2,004 gam.

Bản Cáo trạng số 96/CT-VKSKV1 ngày 09.7.2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Đình T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. uyHu

Tại phiên tòa Kiểm sát viên thực hành quyền công tố Nhà nước trình bày luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Trần Đình T và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và đề nghị:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

*** Xử lý vật chứng:**

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì niêm phong chứa: 1,719 gam mẫu T1 và toàn bộ vỏ bao gói mẫu được niêm phong bằng các hình dấu đỏ của Phòng K - C2.

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, màu trắng, sử dụng Esim số: 0702.706.716, số IMEI: 355563341060562 cho bà Nguyễn Thị Thu T2.

- Trả lại 01 xe mô tô 02 bánh, 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, số khung: RLHJA3928NY297955; số máy: JA39E2794867; dung tích xi lanh: 109 cm³; gắn biển số: 43C2-076.16 cho Công ty cổ phần T3 37.

- Trả lại số tiền 132.000 đồng cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, quá trình xét hỏi bị cáo Trần Đình T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội đúng với nội dung Cáo trạng đã truy tố.

- Bị cáo Trần Đình T nói lời nói sau cùng: Đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, đã ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Đình T tại phiên tòa đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 12/01/2026, tại khu vực ngã tư đường Ô Ích Khiêm - Q, phường

H, thành phố Đà Nẵng, bị cáo Trần Đình T đang có hành vi tàng trữ trái phép 2,004 gam ma túy Methamphetamine với mục đích sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang, thu giữ toàn bộ tang vật.

Như vậy, Cáo trạng số 96/CT-VKSKV1 ngày 09.7.2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Trần Đình T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. uyHu

[3] Xét tính chất vụ án và hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Bị cáo phải biết việc tàng trữ ma túy Methamphetamine để với mục đích sử dụng là vi phạm pháp luật và ảnh hưởng rất xấu đến sức khỏe, làm mất khả năng lao động, học tập của chính người sử dụng và đây cũng chính là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội và tội phạm khác; bị cáo đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo vẫn không từ bỏ ma túy mà còn tiếp tục phạm tội. Do vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện và cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt sau này và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ hình phạt:

- Bị cáo có nhân thân xấu, cụ thể: Ngày 02/3/2017 bị Đoàn biên phòng P1, thành phố Đà Nẵng xử phạt số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số 04; ngày 15/01/2026 bị Ban C1 xử phạt tiền số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” tại Quyết định số 05.

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng sau:

- 01 bì niêm phong chứa: 1,719 gam mẫu T1 và toàn bộ vỏ bao gói mẫu được niêm phong bằng các hình dấu đỏ của Phòng K - C2 là ma túy, vật cấm tàng trữ và lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, màu trắng, sử dụng Esim số: 0702.706.716, số IMEI: 355563341060562 của vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị Thu T2, bà T2 cho bị cáo mượn và bà T2 không biết bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu T2.

- 01 xe mô tô 02 bánh, 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, số khung: RLHJA3928NY297955; số máy: JA39E2794867; dung tích xi lanh: 109 cm³; gắn biển số: 43C2-076.16, xe này của bị cáo T là chủ sở hữu, bị cáo T đã bán xe này cho Công ty cổ phần T5 vào ngày 07/12/2025 với giá 8.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa bàn giao xe này cho Công ty cổ phần T5; Công ty cổ phần T5 cho bị cáo Tân mượn xe đến ngày 06/01/2026. Công ty cổ phần T5 không biết bị cáo T

dùng xe làm phương tiện đi phạm tội nên trả lại xe nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, số khung: RLHJA3928NY297955; số máy: JA39E2794867; dung tích xi lanh: 109 cm³; gắn biển số: 43C2-076.16 cho Công ty cổ phần T5.

- Số tiền 132.000 đồng của bị cáo T bị thu giữ do bị cáo đi làm có được, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tiếp tục tạm giữ để quy trừ đảm bảo thi hành án.

[7] Về vấn đề khác:

- Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Đình T: Ban C1 đã ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi này là có căn cứ.

- Đối với người tên C - liên hệ mua ma túy giúp T; nam thanh niên chỉ chỗ đề ma túy cho T: Hiện không xác định được nhân thân, lai lịch, Cơ quan CSĐT Công an T tách điều tra, làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình T phạm tội ***“Tàng trữ trái phép chất ma túy”***.

2. Căn cứ: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đình T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 12/01/2026.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 bì niêm phong chứa: 1,719 gam mẫu T1 và toàn bộ vỏ bao gói mẫu được niêm phong bằng các hình dấu đỏ của Phòng K - C2 là ma túy hoàn lại sau giám định.

- Tuyên trả lại:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro, màu trắng, sử dụng Esim số: 0702.706.716, số IMEI: 355563341060562 của vợ bị cáo là bà Nguyễn Thị Thu T2;

+ 01 xe mô tô 02 bánh, 02 chỗ ngồi, nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng, số khung: RLHJA3928NY297955; số máy: JA39E2794867; dung tích xi lanh: 109 cm³; gắn biển số: 43C2-076.16 cho Công ty cổ phần T5

+ Trả lại số tiền 132.000 đồng cho bị cáo T nhưng tiếp tục tạm giữ để quy trừ đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng trên hiện đang được tạm giữ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

5. Về thời hạn kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Cơ quan THAHS CATP. Đà Nẵng;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Đình Vui

